TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 23 /2017/HNGĐ-ST.
Ngày 30/06 /2017.
V/v tranh chấp " HNGĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Văn Bằng .
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Giáp Văn Phẩm.
2/ Ông Trần Đăng Thanh.
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Diệp Văn Vĩ .
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 06 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2017/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp " Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐST - HNGĐ, ngày 12/06/2017 giữa các đương sự:

*1/**Nguyên đơn:*** Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1949 (Có mặt).

*2/**Bị đơn:*** Bà Quách Thị M, sinh năm 1958 (Có mặt).

Đều trú quán: Thôn L H , Q S , L Ng, Bắc Giang.

****Những người có QLNVLQ:***

1/Anh Trần Ngọc V, sinh năm 1979(Có mặt).

2/Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

3/Chị Trần Thị L, sinh năm 1977(Có mặt).

4/ Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1990(Có mặt)

Đều trú quán: Thôn L H , Q S , L Ng, Bắc Giang.

5/Chị Trần Thị Y, sinh năm 1984.

Trú quán: Thôn T X, Ph S, L Ng, Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/12/2016, bản tự khai và những lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Trần Ngọc M trình bày: Ông và bà Quách Thị M được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện cùng nhau đi đăng ký kết hôn vào ngày 27/2/1984 tại UBND xã Q S, L N, Bắc Giang, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới không nhớ, nhưng sau ngày cưới ông về sống chung cùng bà M tại thôn L H, Q S, Lục Ngạn cho đến nay, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Tháng 6/2016 mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, không tôn trọng lẫn nhau thường xuyên bất đồng quan điểm. Trong làm ăn kinh tế mỗi người một ý không ai bảo được ai, bà M và H con trai ông cùng một phe đe dọa, đánh đuổi ông ra khỏi nhà, cuộc sống chung vợ chồng hàng

ngày càng căng thẳng. Từ khoảng tháng 11/2016 ông không sống chung cùng bà M nữa tình cảm vợ chồng không quan hệ và cải thiện được nữa vợ chồng đã ly thân nhau từ đó cho đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến lúc quá trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung được nữa, nguyện vọng xin được ly hôn bà Quách Thị M.

Con chung: Ông Trần Ngọc M có hai người con riêng anh Trần Ngọc V , sinh năm 1979 và chị Trần Thị L, sinh năm 1977. Con chung với bà Quách Thị M có hai người con: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1984 và anhTrần Ngọc H, sinh năm 1986. Các con chung và con riêng đã trưởng thành (trên 18 tuổi) đều có gia đình và cuộc sống ổn định riêng, ông không yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản riêng, chung; công nợ chung: Không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và những lời khai tiếp theo bị đơn bà Quách Thị M trình bầy: Bà và ông M có được tìm hiểu, biết rằng ông M có vợ đã ly hôn, chỉ vì tỉnh yêu bà đã huy sinh bỏ qua tất cả rồi hai bên gia đình tổ chức lễ cưới (thời gian không nhớ) và tự nguyện cùng nhau đi đăng kết hôn tại UBND xã Q S, L Ng, Bắc Giang vào ngày 24/01/1984(âm lịch). Sau ngày cưới ông M về gia đình bà chung sống với nhau tại thôn L H, Q S, Lục Ngạn được 3 tháng sau đó vợ chồng ra ở riêng trên phần diện tích đất riêng của bà đã có từ trước, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp hạnh phúc. Năm1996 mâu thuẫn phát sinh xẩy ra, nguyên nhân là do ông M sợ mất lòng con riêng dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, lối sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng hay cãi nhau. Ngày 08/11/2016 ông M tự ra ở riêng vợ chồng ly thân nhau không quan hệ tình cảm từ đó đến nay, nay ông M xin ly hôn nguyện vọng của bà mong muốn ông Minh quay về đoàn tụ gia đình, còn nếu ông M vẫn cương quyết xin ly hôn bà không nhất trí.

Con chung: Theo như ông Trần Ngọc M trình bầy là đúng, bà và ông M sinh được 02 người con chung: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1984 và anhTrần Ngọc H, sinh năm 1986. Các con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi) đều có gia đình và cuộc sống ổn định riêng, bà không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản riêng, chung; công nợ chung: Không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai và những lời khai tiếp thêo anh Trần Ngọc V trình bầy: Ông Trần Ngọc M, sinh ra được hai chị em anh và chị Trần Thị L, sau khi ông M bố anh kết hôn với bà M anh và chị L về ở cùng vàđược bố nuôi dưỡng lớn khôn, đến nay anh và chị L đã đi xây dựng gia đình riêng. Anh biết bà M và ông M thường xuyên mâu thuẫn không tôn trọng nhau, cuộc sống giữa ông Minh và bà M không hạnh phúc, nay ông Mbố anh, sức khỏe yếu cần phải có người trông coi, ông M có nguyện vọng xin ly hôn bà M anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo qui định pháp luật. Đối với tài sản công sức anh không đòi hỏi và yêu cầu đề nghị gì.

Tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo chị Trần Thị L trình bầy: Chị là con riêng ông M việc ông M và bà M mâu thuẫn chị không biết, nguyện vọng của chị mong muốn ông M và bà M đoàn tụ, còn nếu ông M vẫn cương quyết xin ly hôn chị không ý kiến gì. Đối với tài sản và công sức chị không yêu cầu đề nghị.

Tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo anh Trần Ngọc H trình bầy: Anh là con của ông M và bà M anh có nguyện vọng mong muốn bố mẹ quay về đoàn tụ gia đình, còn nếu vẫn cương quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật. Anh đã xây dựng gia đình và ở riêng, tài sản, công sức không yêu cầu.

Tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo chị Trần Thị Y trình bầy: Chị là con của ông M và bà M, mâu thuẫn giữa ông M và bà M chị không biết, nguyện vọng mong muốn bố mẹ quay về đoàn tụ gia đình, còn quyết định thế nào là quyền của ông M và bà M. Chị đã xây dựng gia đình riêng về phần tài sản, công sức chị không yêu cầu đề nghị.

Tại bản tự khai và những lời khai tiếp thep chị Đỗ Thị Th trình bầy: Chị là con dâu của ông M và bà M chị kết hôn với anh Trần Ngọc H vào năm 2011, sau ngày kết hôn chị về sống chung cùng gia đình chồng chăm nom ruộng vườn và chăm sóc bố mẹ. Nguyện vọng mong muốn bố mẹ quay về đoàn tụ gia đình, tài sản, công sức không yêu cầu, đề nghị xem xét giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Lục Ngạn tại phiên Toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án sau:

+ Thủ tục tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án cũng như các đương sự tại phiên tòa đều chấp hành đúng qui định tại: Các Điều 191; 195; 196;205; 208; 209; 210 và Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28 Điều 35; 147; 171/BLTTDS. Khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 53; 54; khoản 1 Điều 56 /LHN & GĐ năm 2014. Điều 6; 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

- Xử: Ông Trần Ngọc M được ly hôn bà Quách Thị M.
- Con chung, riêng: Không đặt ra xem xét giải quyết.
- Tài sản và công nợ: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.
- Án phí: Ông Trần Ngọc M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn nhận định:

1/ Thủ tục tố tụng: Anh Trần Ngọc Hvà chị Trần Thị Y là những người liên quan đều vắng mặt, nhưng các đương sự đều đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án.

2/ Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp " Hôn nhân gia đình" được qui định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35/ BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

3. Nội dung vụ án thì thấy: Trước đây ông Trần Ngọc M đã có vợ và sinh được 02 người con riêng là Trần Thị L và Trần Ngọc V. Sau khi ly hôn ông Trần Ngọc M và bà Quách Thị M được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện cùng nhau đăng ký và ký kết giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã Q S, L Ng, Bắc Giang ngày 27/2/1984 đây là hôn nhân hợp pháp. Hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, sau ngày

cưới ông M về sống chung cùng bà M tại thôn L H, Q S, L N, Bắc Giang, tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Tháng 6/2016 mâu thuẫn phát sinh nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày ông M và bà M không tôn trọng nhau, tuy vợ chồng cũng đã có tuổi, nhưng thường xuyên cải chửi nhau. Trong làm ăn kinh tế mỗi người một ý không ai bảo được ai, ông M còn cho rằng trong gia đình bà M và anh H cùng một phe đe dọa, đánh đuổi ông ra khỏi nhà. Chính vì vậy từ khoảng tháng 11/2016 ông M ra ở riêng không quan hệ vợ chồng và cũng ly thân nhau từ đó cho đến nay.

Tại phiên Tòa hôm nay ông M xác định tình cảm giữa ông và bà M không còn, bà M xúc phạm đến ông quá nhiều, mâu thuẫn ngày càng lớn, nguyện vọng ông M xin được ly hôn, nhưng bà M không nhất trí. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải với mục đích mong muốn các bên đương sự quay về đoàn tụ, nhưng ông M vẫn cương quyết xin ly hôn bà M không nhất trí.

Như chúng ta đã biết cá nhân mỗi con người có quyền kết hôn, ly hôn, quyền bình đẳng của vợ chồng đây là những quyền mà pháp luật đã qui định tại Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015. Nay ông M không còn yêu thương quý trọng bà M nữa, việc bà M muốn ông M quay lại đoàn tụ gia đình, nhưng ông M không nhất trí. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng của ông M đề nghị được ly hôn đối với bà Quách Thị M là có căn cứ chấp phận phù hợp với các Điều 53, 54 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử: Ông Trần Ngọc M được ly hôn bà Quách Thị M.

Con chung và con riêng: Con riêng ông Trần Ngọc M sinh được 02 người con: Anh Trần Ngọc V, sinh năm 1979 và chị Trần Thị L, sinh năm 1977. Con chung: Ông Trần Ngọc M và bà Quách Thị M sinh được 02 người con: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1984 và anhTrần Ngọc H, sinh năm 1986. Các con chung và con riêng của ông M và bà M đã trưởng thành (trên 18 tuổi) đều có gia đình và cuộc sống ổn định riêng, chị L, anh V, anh H và chị Y cũng như ông M và bà M đều không yêu cầu đề nghị, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

**Tài sản riêng, chung; đất ruộng nông nghiệp và công nợ chung*: Các đương sự không đề cập Tòa án xem xét giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có yêu cầu thì được xem xét giải quyết ở vụ kiện dân sự khác.

4. Án phí: Ông Trần Ngọc M phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình. Xác nhận ông Trần Ngọc M đã nộp đủ 300.000đ theo biên lai thu dự phí số: AA/2015/0000753, ngày 08/2/2017 tại Chi cục THADS huyện Lục Ngạn, nên không phải nộp nữa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28 Điều 35; Điều 147; Điều 171; Điều 273 và Điều 280/BLTTDS. Khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56 /LHN & GĐ năm 2014. Điều 6; 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

2/ Xử: Ông Trần Ngọc M được ly hôn bà Quách Thị M.

3/ Con chung, riêng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Tài sản chung, riêng, đất ruộng nông nghiệp và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết.

5/Án phí: Ông Trần Ngọc M phải nộp 300.000đ(ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình. Xác nhận Ông Trần Ngọc M đã nộp đủ 300.000đ(ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu dự phí số: AA/2015/0000753, ngày 08/2/2017 tại Chi cục THADS huyện Lục Ngạn, nên không phải nộp nữa.

6/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *TAND tỉnh;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã Quý Sơn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà.

HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC.

Lục Ngạn, ngày 05 tháng 04 năm 2017.

BIÊN BẢN
THẢO LUẬN VÀ NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Khúc Văn Bằng.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Phạm Công Chấn.**

2 . Bà Vũ Thị Mai.

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi 9 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 04 năm 2017; tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành thảo luận và nghị án đối với vụ kiện tranh chấp" Hôn nhân gia đình" giữa:

1/ Nguyên đơn: La Thị Bút, Sinh năm 1982.
Địa chỉ: Bản Noóc, Chu Túc, Văn Quan, Lạng Sơn.

2/ Bị đơn: Vi Văn Thắng, Sinh năm 1986 .
Địa chỉ: Dọc Song, Biên Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang.

Sau khi thảo luận và nghị án HĐXX cần thảo luận và nghị án những nội dung sau:

Xét thấy: bị đơn anh Vi văn Thắng vắng mặt lần thứ nhất không lý do.

Căn cứ khoản 1 Điều 227; 233,235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1/ Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm thụ lý số 14/2017/TLST – HNGĐ, ngày 13/1/2017.

Thời gian mở lại phiên tòa : Hồi 7 giờ 30 phút ngày 03/5/2017.

Địa điểm : Trụ sở TAND huyện Lục Ngạn.

Kết quả biểu quyết: 3/3

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TP: CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ SƠ THẨM